

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 8 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thái Thị Mỹ

Ông Đỗ Công Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 254/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Minh H - sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã Diên Đ, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa.

Ông H có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T - sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã Diên Đ, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa.

Bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Minh H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Lệ T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên Đ vào năm 1999. Từ khi về chung sống với nhau thì cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, không có tiếng nói chung, không còn tin tưởng, không quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Sau mỗi lần cãi nhau thì bà T bỏ nhà đi rồi lại quay về, bà bỏ đi đâu cũng không nói cho ông biết và việc bà T bỏ nhà đi diễn ra thường xuyên, liên tục nên ông rất bức xúc. Ông thừa nhận có nhậu nhẹt, thỉnh thoảng vợ chồng cãi nhau do không kìm chế được nên ông có đánh bà T. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2018 cho

đến nay, ông cũng cố gắng để vợ chồng có tiếng nói chung nhưng hoàn toàn không được do hai bên luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay ông xác định không còn tình cảm gì với bà T, không thể hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình được nữa, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có hai con chung là Trần Thị Thanh P, sinh năm 2004 và Trần Phước V, sinh năm 2001. Ông có nguyện vọng nuôi cháu P, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu V đã trưởng thành khỏe mạnh nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có nợ chung với bà T.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn bà thống nhất như lời trình bày của ông H. Trong quá trình chung sống bà thừa nhận cuộc sống chung giữa bà với ông H không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, ông H thường đánh bà, sỉ nhục bà nên bà mới bỏ nhà về nhà chị gái ở Diên P ở vài ngày rồi trở về nhà; bà xác nhận bà thường xuyên bỏ đi vì ông H hay nhậu say về chửi bới, bà không chịu đựng nổi. Nay ông H xin ly hôn với bà, bà xác định cũng còn chút tình cảm với ông H nhưng mỗi khi kinh cãi, mâu thuẫn, ông H đánh bà thì bà không còn tình cảm gì với ông H. Nay ông H xin ly hôn với bà, bà không đồng ý ly hôn với ông H, bà chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện ông H để lại tài sản của ông H cho các con của bà thì bà mới an tâm.

Về con chung: Bà và ông H có hai con chung là Trần Thị Thanh P, sinh năm 2004 và Trần Phước V, sinh năm 2001. Bà đồng ý giao cháu P cho ông H nuôi dưỡng vì hiện nay bà không có nơi ở ổn định sợ ảnh hưởng đến việc học hành của cháu; bà không cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu V thì đã trưởng thành khỏe mạnh nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung với ông H.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Trần Minh H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Lệ T. Giao con chung Trần Thị Thanh P, sinh ngày 07/4/2004 cho ông Trần Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung; đối với con chung Trần Phước V thì cả bà T và ông H đều xác nhận bình thường, khỏe mạnh không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Ông Trần Minh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Lệ T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31/1999 ngày 29/6/1999, đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, giữa ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Lệ T đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Qua lời trình bày của hai bên cho thấy cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung; mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; bà T thường xuyên phải bỏ nhà đi vì không chịu đựng được tính khí của ông H. Ông H xác định không còn tình cảm yêu thương đối với bà T nên nhất quyết đòi ly hôn, bà T xác định còn chút tình cảm nhưng mỗi khi cãi nhau thì bà không còn tình cảm với ông H, bà không đồng ý ly hôn với ông H, bà chỉ đồng ý nếu ông H để tài sản của ông cho các con của bà. Yêu cầu của bà T không được ông H đồng ý vì ông cho rằng nhà là nhà từ đường nên ông có để lại cho con hay không thì đó là việc sau này; giữa ông H và bà T lại tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ý kiến của bà T yêu cầu ông H để tài sản cho con thì bà mới đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận. Từ những lời trình bày của ông H và bà T cho thấy tình cảm giữa ông H và bà T thực sự không còn, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Trần Minh H đối với bà Nguyễn Thị Lệ T là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Lệ T có hai con chung là Trần Thị Thanh P, sinh ngày 07/4/2004 và Trần Phước V, sinh ngày 06/10/2001. Bà T đồng ý giao cháu P cho ông H nuôi dưỡng, cháu P cũng có nguyện vọng ở với ông H để ổn định việc học hành vì bà T không có nơi ở ổn định nên Hội đồng xét xử giao cháu P cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở; ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu P; đối với cháu V thì ông H và bà T xác định cháu V đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông H và bà T xác định không có nợ chung.

[5] Về án phí: Ông H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Trần Minh H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Lệ T.

2. Về con chung: Con chung Trần Phước V, sinh ngày 06/10/2001 đã trưởng thành, khỏe mạnh. Giao con chung Trần Thị Thanh P, sinh ngày 07/4/2004 cho ông Trần Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Nguyễn Thị Lệ T. Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, ông H và bà T đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Ông Trần Minh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001687 ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh nên ông H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THA dân sự huyện Diên Khánh;
- UBND xã Diên Đ (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Thị Tuyết Sương

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Thanh Phương, sinh ngày 07/4/2004 cho ông Trần Minh Hạnh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Nguyễn Thị Lệ Thủy. Bà Thủy có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Con chung Trần Phước Vinh đã trưởng thành, khỏe mạnh.

Trong quá trình nuôi con chung, ông Hạnh và bà Thủy đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Ông Trần Minh Hạnh phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà ông Hạnh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001687 ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh nên ông Hạnh đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Đang

Đỗ Công Luận

Trần Thị Tuyết Sương